

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CHI CỤC THỦY LỢI

TÀI LIỆU SỐ 5
TUYÊN TRUYỀN VỀ QUẢN LÝ ĐÊ ĐIỀU
VÀ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI



Năm 2018
(Lưu hành nội bộ)

MỤC LỤC

I. TUYÊN TRUYỀN CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐÊ ĐIỀU	2
1. Phạm vi bảo vệ đê điều.....	2
2. Các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đê điều	2
2.1. Các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đê điều cần phải có giấy phép	2
2.2. Các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đê điều không cần phải có giấy phép.....	3
3.Trách nhiệm của nhà nước và nhân dân trong quản lý đê điều	3
3.1. Trách nhiệm của nhà nước (Ủy ban nhân dân cấp xã)	3
3.2. Trách nhiệm của nhân dân trong quản lý đê điều.....	3
4. Các hành vi nghiêm cấm và xử lý vi phạm trong quản lý đê điều	3
II. TUYÊN TRUYỀN PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI.....	5
1. Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng	5
1.1. Các loại hình thiên tai thường xuất hiện trên địa bàn tỉnh.....	5
1.2. Các biện pháp ứng phó với một số loại hình thiên tai	5
1.2.1. Đối với Bão	5
1.2.2 Đối với triều cường.....	6
1.2.3 Những việc nên làm và không nên làm khi xảy ra lốc xoáy	7
1.2.4. Những việc nên làm và không nên làm khi xảy ra sạt lở đất.....	7
2. Chính sách nhà nước hỗ trợ hoạt động PCTT	8
2.1. Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai: 8	
2.1.1. Điều kiện hỗ trợ.....	8
2.1.2. Mức hỗ trợ	8
2.2. Hỗ trợ về nhà ở, lương thực.....	10
2.2. 1. Về nhà ở:	10
2.2.2. Về lương thực:	10
2.3.Về người	10
3. Các hành vi nghiêm cấm và xử lý vi phạm trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai ..	10
3.2. Vi phạm quy định trong triển khai ứng phó với thiên tai	11
3.3. Vi phạm quy định về cứu hộ, cứu nạn trong phòng, chống thiên tai.....	11
3.4. Vi phạm quy định trong khắc phục hậu quả thiên tai.....	11
3.5. Vi phạm về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong việc đầu tư xây dựng	12
3.6.Vi phạm về xây dựng và thực hiện phương án ứng phó thiên tai.....	12
3.7. Vi phạm về đóng góp vào Quỹ phòng, chống thiên tai	12
3.8. Vi phạm của tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế tham gia hoạt động phòng, chống thiên tai tại Việt Nam.....	13
III. PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM.....	13

I. TUYÊN TRUYỀN CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐÊ ĐIỀU

1. Phạm vi bảo vệ đê điều

- Đê biển: Phạm vi bảo vệ 25m (tính từ chân đê về phía đồng và phía biển). Trường hợp đê đi qua khu dân cư, khu đô thị và khu du lịch phạm vi bảo vệ 05m.

- Đê sông, đê cửa sông: Phạm vi bảo vệ 10m (tính từ chân đê về phía đồng và phía sông). Trường hợp đê đi qua khu dân cư, khu đô thị và khu du lịch hành lang bảo vệ 05m.

- Đê bao: Phạm vi bảo vệ 05m (tính từ chân đê về 2 phía)

- Kè bảo vệ đê biển, bờ biển: Phạm vi bảo vệ 50m (tính từ phần xây đúc cuối cùng trở ra).

- Kè bảo vệ bờ sông: Phạm vi bảo vệ tối thiểu 10m (tính từ phần xây đúc cuối cùng trở ra). Trường hợp đi qua khu dân cư, khu đô thị và khu du lịch hành lang bảo vệ 05m.

- Cống ngầm qua đê: Phạm vi bảo vệ từ 5m đến 8m; Cống hở qua đê: Phạm vi bảo vệ từ 10m đến 30m (tính từ phần xây đúc cuối cùng trở ra)

2. Các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đê điều

2.1. Các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đê điều cần phải có giấy phép

- Cắt xẻ đê để xây dựng công trình trong phạm vi bảo vệ đê điều;
- Khoan, đào trong phạm vi bảo vệ đê điều;
- Xây dựng cống qua đê; xây dựng công trình đặc biệt trong phạm vi bảo vệ đê điều, bãi sông, lòng sông;
- Sử dụng đê, kè bảo vệ đê, cống qua đê làm nơi neo đậu tàu, thuyền;
- Khai thác đất, đá, cát, sỏi, khoáng sản khác ở lòng sông;
- Đổ vật liệu, khai thác đất, đá, cát, sỏi, khoáng sản khác, đào ao, giếng ở bãi sông;
- Nạo vét luồng lạch trong phạm vi bảo vệ đê điều,
- Xây dựng công trình ngầm; khoan, đào để khai thác nước ngầm trong phạm vi 1km tính từ biên ngoài của phạm vi bảo vệ đê điều;

Nếu có hành vi, hoạt động sai quy định trong giấy phép, văn bản cho các hoạt động nêu trên thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng; tước quyền sử dụng giấy phép trong thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng và buộc khôi phục tình trạng ban đầu.

2.2. Các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đê điều không cần phải có giấy phép.

Ngoại trừ các hoạt động quy định tại điểm a Khoản II. Tuy nhiên, khi các cá nhân tổ chức có các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đê điều, trước khi thực hiện phải có văn bản hoặc liên hệ trực tiếp của cơ quan quản lý đê điều (Hạt quản lý đê điều) hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã để được hướng dẫn theo quy định.

3. Trách nhiệm của nhà nước và nhân dân trong quản lý đê điều

3.1. Trách nhiệm của nhà nước (Ủy ban nhân dân cấp xã)

- Tổ chức thực hiện việc quản lý, bảo vệ đê điều và hộ đê trên địa bàn.
- Huy động lực lượng tại địa phương, phối hợp với lực lượng chuyên trách quản lý đê điều để tuần tra, canh gác, bảo vệ đê điều trong mùa lũ, lụt, bão trên các tuyến đê thuộc địa bàn quản lý.
- Quyết định theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền quyết định việc huy động lực lượng, vật tư, phương tiện để hộ đê, khắc phục hậu quả do lũ, lụt, bão gây ra đối với đê điều.
- Ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật về đê điều;
- Xử lý hành vi vi phạm pháp luật về đê điều theo thẩm quyền, trường hợp vượt quá thẩm quyền báo cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý.
- Tuyên truyền, phổ biến cho nhân dân địa phương thực hiện các quy định của pháp luật về đê điều.
- Tiếp nhận giải quyết các biên bản vi phạm, khiếu nại, tố cáo về hành vi vi phạm pháp luật về đê điều trên địa bàn.

3.2. Trách nhiệm của nhân dân trong quản lý đê điều.

- Nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật đê điều.
- Vận động gia đình, tổ chức, cá nhân sinh sống trong khu vực đê điều tham gia quản lý và bảo vệ đê điều.
- Khi phát hiện các hư hỏng, sự cố đê điều hoặc hành vi phá hoại đê điều kịp thời báo cáo cơ quan quản lý đê điều (Hạt Quản lý Đê điều) hoặc Ủy ban nhân dân xã có biện pháp xử lý.
- Khi xảy ra sự cố đê điều, tham gia công tác hộ đê
- Tham gia giám sát cộng đồng khi nhà nước thực hiện tu bổ, nâng cấp đê điều.

4. Các hành vi nghiêm cấm và xử lý vi phạm trong quản lý đê điều

- Phá hoại đê điều.
- + Đối với hành vi: Cuốc, xới, rẫy cỏ trên mái đê, cơ đê và mặt đê: Phạt tiền từ 100.000 – 300.000 đồng và khôi phục tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm

+ Đối với hành vi:Đào, bạt,xế mặt đê, mái đê, cơ đê và chân đê:Phạt tiền từ 1.000.000 – 3.000.000 đồngvà khôi phục tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm;

- Nổ, phá gây nguy hại đến thân đê, trừ trường hợp khẩn cấp được người có thẩm quyền quy định tại Điều 34 của Luật Đê điều năm 2006 quyết định nổ, phá nhằm phân lũ, làm chậm lũ để hộ đê.

- Nếu vi phạm phạt tiền từ 80.000.000 – 100.000.000 đồng, buộc khôi phục tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm;

- Vận hành trái quy chuẩn kỹ thuật đối với công trình cống qua đê, trạm bơm:

+ Nếu vi phạm phạt tiền từ 20.000.000 – 30.000.000 đồng;

- Xây dựng công trình, nhà ở trong phạm vi bảo vệ đê điều, trừ công trình phục vụ phòng chống lũ, lụt, bão, công trình phụ trợ và công trình đặc biệt.

+ Nếu vi phạm phạt tiền từ 50.000.000 – 60.000.000 đồng, buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng đối với hành vi vi phạm;

- Sử dụng xe cơ giới vượt quá tải trọng cho phép đi trên đê; sử dụng xe cơ giới đi trên đê khi có biển cấm trong trường hợp đê có sự cố hoặc có lũ, lụt, bão, trừ xe kiểm tra đê, xe hộ đê, xe làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, cứu thương, cứu hỏa:

+ Nếu vi phạm phạt tiền từ 3.000.000 – 5.000.000 đồng, buộc khôi phục tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm;

- Đổ chất thải, ở bãi sông, lòng sông; để vật liệu trên đê, trừ vật tư dự trữ phòng, chống lũ, lụt, bão:

+ Nếu vi phạm phạt tiền từ 500.000 – 5.000.000 đồng và khôi phục tình trạng ban đầu;

- Chiếm dụng, sử dụng hoặc di chuyển trái phép vật tư dự trữ phòng, chống lũ, lụt, bão

+ Nếu vi phạm phạt tiền từ 500.000 – 3.000.000 đồng và khôi phục tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm;

- Phá hoại cây chắn sóng bảo vệ đê, trừ trường hợp khai thác cây chắn sóng, kè bảo vệ đê, cống qua đê phải theo sự hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền quản lý đê điều:

+ Nếu vi phạm phạt tiền từ 500.000 – 3.000.000 đồng, tịch thu phương tiện vi phạm và buộc khôi phục tình trạng ban đầu;

- Khai thác đất, đá, cát, sỏi, khoáng sản khác; đào ao, giếng trong phạm vi bảo vệ đê điều và các hoạt động khác gây cản trở dòng chảy và thoát lũ.

+ Đối với hành vi khai thác đất, đá, cát, sỏi, khoáng sản trong phạm vi bảo vệ đê điều:Phạt tiền từ 50.000.000 – 60.00.000 đồng, buộc khôi phục tình trạng ban đầu;

+ Đối với hành vi đào ao, giếng và các hoạt động khác gây cản trở dòng chảy và thoát lũ: Phạt tiền từ 3.000.000 – 5.000.000 đồng, buộc khôi phục tình trạng ban đầu.

Bên cạnh 09 hành vi bị nghiêm cấm nêu trên, một số hành vi liên quan đến đê điều bị xử phạt vi phạm hành chính:

- Mở rộng diện tích mặt bằng xây dựng khi sửa chữa cải tạo công trình, nhà ở hiện có trong phạm vi bảo vệ đê điều và ở bãi sông: Phạt tiền từ 5.000.000 – 30.000.000 đồng, buộc tháo dỡ phần công trình xây dựng đối với hành vi vi phạm;

- Chiếm dụng, sử dụng hoặc di chuyển trái phép hoặc làm hư hỏng công trình phụ trợ đê điều: Phạt tiền từ 3.000.000 – 5.000.000 đồng và khôi phục tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm;

- Vi phạm quy định trong giấy phép, văn bản chấp thuận cho các hoạt động liên quan đến đê điều: Phạt tiền từ 5.000.000 đồng – 50.000.000 đồng; tước quyền sử dụng giấy phép trong thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng và buộc khôi phục tình trạng ban đầu.

- Không thực hiện quyết định của người có thẩm quyền trong việc huy động nguồn lực để hộ đê, cứu hộ các công trình có liên quan đến đê điều: Phạt tiền từ 5.000.000 – 10.000.000 đồng.

- Để vật liệu trên đê: Phạt tiền từ 500.000 đồng – 3.000.000 đồng, buộc khôi phục tình trạng ban đầu.

II. TUYÊN TRUYỀN PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

1. Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng

1.1. Các loại hình thiên tai thường xuất hiện trên địa bàn tỉnh

Bão; Áp thấp nhiệt đới; Lốc, Sét; Hạn hán; Nước dâng (Triều cường); Sạt lở đất do mưa lũ hoặc do dòng chảy; Xâm nhập mặn.

1.2. Các biện pháp ứng phó với một số loại hình thiên tai

1.2.1. Đối với Bão

a) Trước Bão

- Thường xuyên theo dõi thông tin cảnh báo Bão;

- Giữ liên lạc giữa tàu, thuyền và đất liền; đưa tàu thuyền thoát khỏi vùng nguy hiểm hoặc vào nơi tránh trú an toàn;

- Bảo vệ lồng, bè, tài sản, gia súc, gia cầm; tranh thủ thu hoạch các sản phẩm nông nghiệp.

- Gia cố chằng chống nhà cửa, cắt tỉa cành cây; xác định vị trí an toàn để trú ẩn; chủ động sơ tán khỏi các nhà không đảm bảo an toàn, vùng ven biển, cửa sông để phòng nước dâng.

- Để phòng mưa, lũ, lũ quét trước, trong và sau bão.

- Dự trữ nước uống, lương thực thực phẩm, thuốc men, các vật dụng cần thiết đủ dùng ít nhất trong 7 ngày.

b) Trong Bão

- Không ở trên tàu, thuyền đã neo đậu, lồng bè, chòi canh, khu nuôi trồng thủy sản. nên ở trong nhà, nơi trú ẩn, không di ra ngoài.

- Không trú tránh dưới gốc cây, cột điện, vật dễ đổ.

- Đề phòng tai nạn do đổ nhà, cây cối, cột điện, các vật bị gió thổi bay, điện giật...;

- Thông tin kịp thời, chính xác vị trí, tình trạng nguy hiểm khi cần cứu hộ, cứu nạn.

c) Sau Bão

- Kiểm tra lại nhà ở, các thiết bị trước khi sử dụng.

- Khẩn trương khắc phục hậu quả ổn định đời sống, khôi phục sản xuất.

- Thống kê thiệt hại, báo cáo kịp thời đầy đủ, chính xác với chính quyền địa phương.

- Tham gia dập dịch bệnh và xử lý môi trường.

1.2.2. Đối với triều cường

a) Trước triều cường

- Thường xuyên theo dõi thông tin cảnh báo triều cường.

- Chuẩn bị gia cố lại các tuyến đê bao, bờ bao, các khu vực nuôi trồng thủy sản

- Di chuyển gia súc, gia cầm, đồ đạc lên nơi cao để tránh ngập.

- Tranh thủ thu hoạch các sản phẩm nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản.

- Chủ động sơ tán khỏi vùng ven biển, bãi sông, vùng thấp trũng, vùng có nguy cơ sạt lở.

b) Trong triều cường

- Di chuyển đến nơi cao khô ráo, an toàn

- Không chơi đùa, bơi lội hoặc đi lại trong khu vực nước dâng và khu vực có nguy cơ sạt lở

- Neo đậu tàu thuyền vào nơi trú ẩn an toàn khi có sự hướng dẫn của chính quyền địa phương

c) Sau triều cường

- Khẩn trương khắc phục hậu quả, khôi phục sản xuất.

- Tham gia dập dịch bệnh và xử lý môi trường

- Thống kê thiệt hại, báo cáo kịp thời, đầy đủ, chính xác với chính quyền địa phương.

1.2.3. Những việc nên làm và không nên làm khi xảy ra lốc xoáy

- Dấu hiệu nhận biết lốc xoáy: Bầu trời bỗng đổi màu đen, mây di chuyển nhanh, xoắn lại tạo thành hình nón; xuất hiện các tiếng gầm gú.

- Những việc nên làm:

+ Thường xuyên theo dõi thông tin cảnh báo và quan sát các biểu hiện xảy ra lốc xoáy;

+ Không chạy cùng hướng với đường đi của lốc xoáy;

+ Tìm chỗ trú ẩn an toàn trong nhà, núp dưới một vật nặng và giữ chặt nó;

+ Nơi an toàn nhất là tầng hầm hoặc tầng trệt của công trình kiến trúc bằng bê tông;

+ Khi bất ngờ gặp lốc xoáy nhanh chóng tìm nơi đất trũng thấp, nằm sát xuống đường; trú vào cống, nhảy xuống hố...;

+ Ngắt nguồn điện để tránh bị điện giật, hỏa hoạn. Tắt, cắt tạm thời các thiết bị điện, đài.

Những việc không nên làm:

+ Đứng gần, trú tránh dưới cây to; căn nhà thô sơ, cột điện,... để tránh bị va đập, đè bẹp hoặc bị điện giật.

+ Đứng gần, thò đầu ra ngoài cửa sổ, trú trong căn phòng nhỏ có hướng ngược với lốc xoáy.

+ Chú ý không được ở trên nóc nhà.

1.2.4. Những việc nên làm và không nên làm khi xảy ra sạt lở đất

Dấu hiệu nhận biết sạt lở đất:

+ Mưa nhiều ngày/mưa lớn;

+ Vết nứt tường nhà, mái dốc, cây nghiêng, nước sông từ trong chuyển màu thành đục,...;

+ Mặt đất phồng lên, cây cối rung chuyển, âm thanh lạ trong lòng đất.

Những việc nên làm:

+ Thường xuyên theo dõi thông tin cảnh báo sạt lở đất, thông báo cho chính quyền và những người xung quanh khi có dấu hiệu;

+ Sẵn sàng sơ tán theo hướng dẫn của chính quyền địa phương;

+ Chạy nhanh ra khỏi nơi nguy hiểm khi nghe hoặc nhận thấy tiếng động lớn hoặc dấu hiệu không bình thường.

- Những việc không nên làm:

+ Không được đi qua và lại gần quanh khu vực sạt lở đất;

- + Không được đánh cá, bơi lội qua sông khi có mưa lớn hoặc thấy nước có dấu hiệu bất thường như nước sông từ trong chuyển màu thành đục;
- + Không đi gần khu vực cầu, cống khi nước đang lên, dòng chảy mạnh.

2. Chính sách nhà nước hỗ trợ hoạt động PCTT

2.1. Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai:

2.1.1. Điều kiện hỗ trợ

- Sản xuất không trái với quy hoạch, kế hoạch và hướng dẫn sản xuất nông nghiệp của chính quyền địa phương.

- Có đăng ký kê khai ban đầu được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận đối với chăn nuôi tập trung (trang trại, gia trại, tổ hợp tác, hợp tác xã) và nuôi trồng thủy sản hoặc giấy chứng nhận kiểm dịch (nếu có). Các hộ chăn nuôi tập trung kê khai trong thời gian 15 ngày kể từ khi bắt đầu chăn nuôi; trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được bản kê khai, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận vào kê khai. Các hộ nuôi trồng thủy sản thực hiện kê khai và được xác nhận ngay khi thực hiện nuôi trồng.

- Thiệt hại xảy ra khi đã thực hiện đầy đủ, kịp thời các biện pháp phòng ngừa, ứng phó với thiên tai, dịch bệnh theo sự hướng dẫn, chỉ đạo của cơ quan chuyên môn và chính quyền địa phương.

- Thời điểm xảy ra thiệt hại: Trong thời gian xảy ra thiên tai trên địa bàn được Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn địa phương xác nhận;

2.1.2. Mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ đối với cây trồng

- Diện tích lúa thuần bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 2.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 1.000.000 đồng/ha;

- Diện tích mạ lúa thuần bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 20.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 10.000.000 đồng/ha;

- Diện tích lúa lai bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 3.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 1.500.000 đồng/ha;

- Diện tích mạ lúa lai bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha;

- Diện tích ngô và rau màu các loại thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 2.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 1.000.000 đồng/ha;

- Diện tích cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 4.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 2.000.000 đồng/ha.

b) Hỗ trợ đối với sản xuất lâm nghiệp

- Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp, vườn giống, rừng giống bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 4.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 2.000.000 đồng/ha;

- Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 40.000.000 đồng/ha; bị thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 20.000.000 đồng/ha.

c) Hỗ trợ đối với nuôi thủy, hải sản

- Diện tích nuôi tôm quảng canh (nuôi tôm lúa, tôm sinh thái, tôm rừng, tôm kết hợp) bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ từ 4.100.000 - 6.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ từ 2.000.000 - 4.000.000 đồng/ha;

- Diện tích nuôi cá truyền thống, các loài cá bản địa bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ từ 7.100.000 - 10.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ từ 3.000.000 - 7.000.000 đồng/ha;

- Diện tích nuôi tôm sú bán thâm canh, thâm canh bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ từ 6.100.000 - 8.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ từ 4.000.000 - 6.000.000 đồng/ha;

- Diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng bán thâm canh, thâm canh bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ từ 20.500.000 - 30.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ từ 10.000.000 - 20.000.000 đồng/ha;

- Diện tích nuôi nhuyễn thể bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ từ 40.500.000 - 60.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ từ 20.000.000 - 40.000.000 đồng/ha;

- Diện tích nuôi cá tra thâm canh bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ từ 20.500.000 - 30.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ từ 10.000.000 - 20.000.000 đồng/ha;

- Lồng, bè nuôi nước ngọt bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ từ 7.100.000 - 10.000.000 đồng/100 m³ lồng; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ từ 3.000.000 - 7.000.000 đồng /100 m³lồng;

- Diện tích nuôi cá rô phi đơn tính thâm canh bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ từ 20.500.000 - 30.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ từ 10.000.000 - 20.000.000 đồng/ha;

- Diện tích nuôi cá nước lạnh (tầm, hồi) thâm canh bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ từ 35.500.000 - 50.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ từ 15.000.000 - 35.000.000 đồng/ha;

- Lồng, bè nuôi trồng ngoài biển (xa bờ, ven đảo) bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ từ 15.500.000 - 20.000.000 đồng/100 m³ lồng; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ từ 10.000.000 - 15.000.000 đồng/100 m³ lồng;

- Diện tích nuôi trồng các loại thủy, hải sản khác bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ từ 4.100.000 - 6.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ từ 2.000.000 - 4.000.000 đồng/ha.

d) Hỗ trợ đối với nuôi gia súc, gia cầm:

- Gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng) đến 28 ngày tuổi, hỗ trợ 10.000 - 20.000 đồng/con; trên 28 ngày tuổi, hỗ trợ 21.000 - 35.000 đồng/con;

- Lợn đến 28 ngày tuổi, hỗ trợ 300.000 - 400.000 đồng/con; trên 28 ngày tuổi, hỗ trợ 450.000 - 1.000.000 đồng/con; lợn nái và lợn đực đang khai thác, hỗ trợ 2.000.000 đồng/con;

- Bê cái hướng sữa đến 6 tháng tuổi, hỗ trợ 1.000.000 - 3.000.000 đồng/con; bò sữa trên 6 tháng tuổi, hỗ trợ 3.100.000 - 10.000.000 đồng/con;

- Trâu, bò thịt, ngựa đến 6 tháng tuổi, hỗ trợ 500.000 - 2.000.000 đồng/con; trên 6 tháng tuổi, hỗ trợ 2.100.000 - 6.000.000 đồng/con;

- Hươu, nai, cừu, dê: Hỗ trợ 1.000.000 - 2.500.000 đồng/con.

2.2. Hỗ trợ về nhà ở, lương thực

2.2.1. Về nhà ở

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có nhà ở bị thiệt hại hoàn toàn, mức tối đa không quá 20.000.000 đồng/hộ.

- Hộ phải di dời nhà ở khẩn cấp theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền do nguy cơ thiên tai, mức tối đa không quá 20.000.000 đồng/hộ.

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có nhà ở bị hư hỏng, mức tối đa không quá 15.000.000 đồng/hộ.

2.2.2. Về lương thực

Hỗ trợ 15 kg gạo/người/tháng trong thời gian không quá 03 tháng cho mỗi đợt trợ giúp đối với tất cả thành viên hộ gia đình thiếu đói trong và sau thiên tai;

2.3. Về người

- Người bị thương nặng do thiên tai, hỗ trợ 2.700.000 đồng

- Hỗ trợ chi phí mai táng: Hộ gia đình có người chết, mất tích, hỗ trợ 5.400.000 đồng

- Hỗ trợ cho trẻ em khi cha, mẹ bị chết, mất tích do thiên tai mà không còn người thân thích chăm sóc, nuôi dưỡng, hỗ trợ:

+ Tiền ăn trong thời gian sống tại hộ nhận chăm sóc, nuôi dưỡng;

+ Chi phí điều trị trong trường hợp phải điều trị tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh mà không có thẻ bảo hiểm y tế;

+ Chi phí đưa đối tượng về nơi cư trú hoặc đến cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội.

3. Các hành vi nghiêm cấm và xử lý vi phạm trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai

3.1. Vi phạm làm cản trở sự vận hành và làm hư hại công trình phòng, chống thiên tai, trừ công trình khí tượng, thủy văn.

- Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi: cản trở sự vận hành của công trình phòng, chống thiên tai.

- Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi: neo đậu không đúng nơi quy định của tàu thuyền và các phương tiện khác vào công trình phòng, chống thiên tai.

- Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi: cố ý sử dụng sai mục đích của công trình phòng, chống thiên tai.

- Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng và buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi: lấn chiếm bãi sông, lòng sông làm tăng rủi ro thiên tai mà không có biện pháp xử lý, khắc phục;

- Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng và nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do hành vi: khai thác trái phép cát, sỏi, khoáng sản làm tăng rủi ro thiên tai mà không có biện pháp xử lý, khắc phục.

- Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng và buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi: làm hư hại công trình phục vụ phòng, chống thiên tai.

3.2. Vi phạm quy định trong triển khai ứng phó với thiên tai

- Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với hành vi: cố ý trì hoãn hoặc không chấp hành sự chỉ đạo, chỉ huy phòng, chống thiên tai của cơ quan hoặc người có thẩm quyền.

- Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi: chống đối hoặc cản trở việc thực hiện chỉ đạo, chỉ huy phòng, chống thiên tai, quyết định huy động nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ ứng phó khẩn cấp thiên tai của cơ quan hoặc người có thẩm quyền.

- Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi: cố ý giấu hoặc cung cấp thông tin sai lệch về vị trí, tình trạng của phương tiện tàu, thuyền đang hoạt động trên biển, trên sông, trên hồ cho chính quyền địa phương, cơ quan chức năng khi có thiên tai.

3.3. Vi phạm quy định về cứu hộ, cứu nạn trong phòng, chống thiên tai

- Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi: không chủ động cứu giúp hoặc không thông tin kịp thời để lực lượng khác đến ứng cứu người, phương tiện bị nạn trên biển, sông, suối, ao, hồ khi có điều kiện mà không thực hiện.

- Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi: yêu cầu cấp cứu khẩn cấp nhưng không hợp tác khi lực lượng cứu hộ tiếp cận gây lãng phí cho cơ quan cứu hộ.

3.4. Vi phạm quy định trong khắc phục hậu quả thiên tai

- Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng và buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp đối với hành vi: cố ý kê khai, báo cáo sai sự thật về thiệt hại do thiên tai gây ra.

- Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng và buộc nộp lại số tiền, hàng hóa hoặc số tiền bằng giá trị hàng hóa đối với hành vi: sử dụng sai mục đích, làm thất thoát tiền, hàng cứu trợ và cứu trợ không đúng đối tượng;

- Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi: thực hiện nhiệm vụ cứu trợ không kịp thời.

3.5. Vi phạm về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong việc đầu tư xây dựng

Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng và buộc thực hiện các nội dung đảm bảo yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với hành vi vi phạm: không thực hiện nội dung về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc đầu tư xây dựng mới hoặc nâng cấp khu đô thị, điểm dân cư nông thôn và công trình hạ tầng kỹ thuật.

3.6. Vi phạm về xây dựng và thực hiện phương án ứng phó thiên tai

- Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi: không gửi phương án ứng phó thiên tai đã được phê duyệt đến Ủy ban nhân dân địa phương có liên quan trên địa bàn và cơ quan cấp trên.

- Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi: không chuẩn bị hoặc chuẩn bị không đầy đủ nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ ứng phó thiên tai theo phương án ứng phó thiên tai được phê duyệt.

- Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi: không xây dựng, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai.

3.7. Vi phạm về đóng góp vào Quỹ phòng, chống thiên tai

a) Phạt tiền bằng số tiền phải đóng góp còn thiếu theo từng đợt nhưng tối thiểu là 50.000 đồng, tối đa không quá 50.000.000 đồng đối với hành vi đóng thiếu quỹ phòng, chống thiên tai hàng năm, cụ thể:

- Đối với cá nhân đến ngày 30 tháng 5 đã đóng nhưng chưa đóng đủ mức phải đóng góp theo quy định và trong thời gian từ sau ngày 30 tháng 5 đến hết ngày 31 tháng 12 hàng năm mới đóng phần còn thiếu;

- Đối với tổ chức kinh tế hạch toán độc lập:

+ Đến ngày 30 tháng 5 đã đóng lần thứ nhất nhưng chưa đóng đủ số tiền phải đóng góp theo quy định và số tiền thiếu của lần thứ nhất đóng trước ngày 30 tháng 10 hàng năm.

+ Đến ngày 30 tháng 10 hàng năm đã đóng lần thứ hai nhưng chưa đóng đủ số tiền phải đóng góp theo quy định và số tiền còn thiếu của lần thứ hai đóng trước ngày 31 tháng 12 hàng năm.

b) Phạt tiền gấp 1,5 lần mức phải đóng góp theo từng đợt nhưng tối thiểu là 50.000 đồng, tối đa không quá 50.000.000 đồng đối với hành vi đóng chậm quỹ phòng, chống thiên tai hàng năm, cụ thể:

- Đối với cá nhân đóng quỹ phòng, chống thiên tai trong thời gian từ sau ngày 30 tháng 5 đến hết ngày 31 tháng 12 hàng năm;

- Đối với tổ chức kinh tế hạch toán độc lập đóng lần thứ nhất trong thời gian từ sau ngày 30 tháng 5 đến ngày 30 tháng 10 hàng năm và đóng số tiền còn lại trong thời gian từ sau ngày 30 tháng 10 đến hết ngày 31 tháng 12 hàng năm.

c) Phạt tiền gấp 2,0 lần mức phải đóng góp theo từng đợt nhưng tối thiểu là 50.000 đồng, tối đa không quá 50.000.000 đồng đối với hành vi không đóng quỹ phòng, chống thiên tai hàng năm, cụ thể:

- Đối với cá nhân đến hết ngày 31 tháng 12 hàng năm chưa đóng đủ quỹ phòng, chống thiên tai;

- Đối với tổ chức kinh tế hạch toán độc lập đến hết ngày 30 tháng 10 hàng năm chưa đóng lần thứ nhất và đến hết ngày 31 tháng 12 chưa đóng số tiền còn lại phải đóng góp quỹ phòng, chống thiên tai.

3.8. Vi phạm của tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế tham gia hoạt động phòng, chống thiên tai tại Việt Nam

- Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi hoạt động không đúng nội dung đã đăng ký, trừ tình huống cấp bách.

- Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi hoạt động phòng, chống thiên tai không có giấy đăng ký hoặc giấy đăng ký đã hết hạn, trừ tình huống cấp bách.

III. PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM

1. Nghị định số 104/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; đê điều(gọi tắt là Nghị định 104);

2. Quyết định số 14/2016/QĐ-UBND ngày 21/4/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ đê điều trên địa bàn tỉnh (gọi tắt là Quy định).

3. Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 ngày 19/6/2013;

4. Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục vùng bị thiên tai, dịch bệnh;

5. Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.